

Số: 142/KH-MNTH

Tân Hiệp, ngày 13 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
CÁC KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ- THU THỎA THUẬN
Năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ công văn số 2153/BGDĐT-KHTC ngày 24/5/2022 về việc Thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2022-2023;

Căn cứ công văn số 220/PGDĐT ngày 21/8/2020 của Phòng GD&ĐT huyện Phú Giáo về việc thực hiện các khoản thu, chi trong năm học 2020 – 2021 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Kế hoạch 3959/KH-UBND tỉnh Bình Dương ngày 03 tháng 8 năm 2022 kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ biên bản họp Ban đại diện phụ huynh học sinh ngày 20/7/2022 về việc thẩm định lựa chọn danh mục đồ dùng, học liệu cho trẻ năm học 2022-2023;

Căn cứ vào buổi họp phụ huynh học sinh ngày 06/9/2022 các lớp đã thông qua dự kiến các khoản thu hộ, chi hộ và thu thỏa thuận của năm học 2022-2023, trong cuộc họp 100% phụ huynh thống nhất cao với dự kiến các khoản thu hộ, chi hộ, thu thỏa thuận năm học 2022-2023.

Nhằm giúp Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội đồng nhân dân, UBND xã Tân Hiệp và Lãnh đạo phòng GDĐT Phú Giáo nắm rõ tình hình các khoản thu hộ, chi hộ, thu thỏa thuận năm học 2022-2023 trường Mầm non Tân Hiệp xây dựng kế hoạch các khoản thu, chi trong năm học như sau:

I. Dự kiến các khoản thu

1. Nguồn thu theo quy định của nhà nước (Học phí)

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thực hiện Công văn 4733/ UBND-VX Về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 10/2021/NQ-HĐND-UBND Bình Dương ngày 14/9/2021 về việc quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nhà trường tiếp tục thực hiện thu học phí theo Nghị Quyết số 10/2021/NQ-HĐND-UBND Bình Dương trong khi chờ văn bản mới hướng dẫn.

Thu theo quy định nhà nước	Nhà trẻ	Mầm	Chồi	Lá	Ghi chú
Học phí (Bắt buộc)	50.000 đồng/ tháng x 9 tháng				Thực hiện Nghị Quyết số 10/2021/NQ-HĐND-UBND Bình Dương
Tổng thu năm học	450.000	450.000	450.000	450.000	

(Phụ huynh có thể đóng một lần cả năm học 9 tháng hoặc chia đóng theo từng học kỳ trong năm học)

2. Nguồn thu hộ, thu thỏa thuận

a. Nguồn thu thỏa thuận

Danh mục/ lớp	Nhà trẻ	Mầm	Chồi	Lá	Ghi chú
Đồ dùng dụng cụ học tập	141.500	159.000	161.000	171.000	Thu đầu năm học
Đồ dùng dụng cụ vệ sinh cá nhân	90.000	89.000	89.000	89.000	
Học phẩm, sách giáo khoa	25.000	47.500	39.000	60.000	
Tổng	256.500	295.5	289.000	320.000	

b. Nguồn thu hộ

Danh mục/lớp	Nhóm Nhà trẻ	Khối Mầm	Khối Chồi	Khối Lá	Ghi chú
Tiền ăn bán trú	32.000	32.000	32.000	32.000	Thu theo ngày ăn thực tế /ngày/hs
Tiền chất đốt	2.000 đồng/ ngày/Học sinh				Thu theo ngày đi học thực /ngày/hs
Tiền nước uống	500 đồng/ ngày/Học sinh				Thu theo ngày đi học thực /ngày/hs
Tiền nước uống, nước rửa chén	500 đồng/ ngày/Học sinh				
Tiền thù lao cấp dưỡng	2.000 đồng/ ngày/Học sinh				
Tiền đồ dùng, dụng cụ vệ sinh bán trú	120.000	120.000	120.000	120.000	Thu theo năm/học sinh

II. Dự kiến các khoản chi

1. Chi học phí

- Chi 40% cải cách tiền lương;
- 60% hoạt động (Chi thừa giờ, tiền tết cho đội ngũ CBVC)

2. Chi các khoản thu hộ, thu thỏa thuận

2.1. Chi nguồn thu thỏa thuận

+ Chi mua đồ dùng, dụng cụ học tập

STT	Tên đồ dùng	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhà trẻ	Lớp mầm	Lớp chồi	Lớp lá
1	Chi đen (Lớp lá 2 cây)	Cây	5.000	0	5.000	5.000	10.000
2	Sáp màu Qeen 12 màu	Hộp	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
3	Giấy A4	Ram	75.000	5.000	5.000	7.000	10.000
4	Bảng kim nguyên	Cái	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
5	Đất sét	Hộp	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
6	Kéo con	Cây	7.500	0	7.500	7.500	7.500
7	Giấy màu thủ công	Xấp	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
8	Hồ dán	Lọ	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
10	Màu nước	Hộp	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
11	Cọ vẽ	Cái	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
12	Bút lông 12 màu	Hộp	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000
13	Bìa sơ mi đựng sản phẩm của trẻ	Cái	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
14	Ký hiệu ĐDVS, SGK, giấy bao, túi hồ sơ của học sinh	Bộ		13,500	18,500	18,500	20,500
	Tổng cộng			141.500	159.000	161.000	171.000

+ Chi mua đồ dùng vệ sinh cá nhân

STT	Tên dụng cụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhà trẻ	Lớp mầm	Lớp chồi	Lớp lá
1	Kem đánh răng (2 tuýp/ năm)	Tuýp	7.000	0	14.000	14.000	14.000
2	Bàn chải đánh răng (3 cây/ năm)	Cái	5.000	0	15.000	15.000	15.000
3	Khăn mặt li của trẻ có tính công thù (2 cái)	Cái	10.500	21.000	21.000	21.000	21.000
4	Ca Inox	Cái	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000

5	Yếm nhà trẻ (2 Cái)	Cái	15.000	30.000	0	0	0
6	Xà bông vệ sinh cá nhân Lifebuoy	Cục	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
	Tổng cộng			90.000	89.000	89.000	89.000

+ Chi mua học phẩm sách (Theo quy định của BGDĐT)

- Nhà trẻ:

STT	Tên sách, học phẩm	Đơn giá
1	Sách giúp trẻ làm quen với toán qua hình vẽ 24-36 tháng	8.500
2	Sách hoạt động tạo hình 24-36 tháng	9.000
3	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ	7.500
Tổng cộng		25.000

- Mầm:

STT	Tên sách, học phẩm	Đơn giá
1	Vở bé làm quen với toán 3-4 tuổi	8.500
2	Vở giúp trẻ làm quen với chữ cái 3-4 tuổi	10.000
3	Vở hoạt động tạo hình	10.500
4	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ mẫu giáo	10.500
5	Sổ - phiếu bé ngoan	8.000
Tổng cộng		47.500

- Chồi:

STT	Tên sách, học phẩm	Đơn giá
1	Vở bé làm quen với toán 4-5 tuổi	9.500
2	Vở giúp trẻ làm quen với chữ cái 4-5 tuổi	10.000
3	Vở hoạt động tạo hình	11.500
4	Sổ - phiếu bé ngoan	8.000
Tổng cộng		39.000

- Lá:

STT	Tên sách, học phẩm	Đơn giá
1	Vở bé làm quen với toán qua các con số 5-6 tuổi	12.500
2	Giúp bé tập tô các nét cơ bản và làm quen chữ cái qua hoạt động tạo hình	10.500
3	Vở hoạt động tạo hình	13.000
4	Sổ - phiếu bé ngoan	8.000
5	Bộ thẻ chữ cái dành cho cháu	16.000
Tổng cộng		60.000

3. Chi nguồn thu hộ

Các khoản thu hộ phục vụ bán trú

a. Chi tiền ăn bán trú

- Mức thu: 32.000 đồng/ ngày/ học sinh
- Mức chi tiền ăn bán trú

Ăn sáng + Uống sữa	Ăn trưa	Ăn xế	Ăn chiều	Tổng cộng
10.000	12.000	4.000	6.000	32.000

b. Chi tiền ga

Mức thu dự kiến: 290HS x 2.000 đồng/ ngày = 580.000 x 20 ngày/ tháng = 11.600.000 đồng.

Mức chi dự kiến:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá
1	Bình Gas lớn	Bình	7	1.657.000

c. Chi trả tiền thù lao phục vụ nấu ăn sáng

- Dự kiến thu: 290 HS x 40.000đ/ tháng/ trẻ = 11.600.000
- Mức chi dự kiến:

- + Chi nhân viên cấp dưỡng nấu ăn sáng : 80%/ tổng thu/HS/tháng
- + Chi nhân viên phục vụ, bảo vệ kế toán, thủ quỹ: 20%/ tổng thu/HS/tháng

c. Chi tiền đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phục vụ bán trú:

- Dự kiến thu 290 HS x 120.000đ/trẻ/năm = 34.800.000đ/ 9 tháng (**Có bảng thuyết minh chi tiết kèm theo**).

III. Tổ chức thực hiện

Căn cứ điều kiện và nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ thực tế tại trường và công tác tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Nhà trường xây dựng Kế hoạch rõ ràng, cụ thể các nội dung thu chi trong năm học 2022-2023 trên nguyên tắc thu bù đủ chi;

- Thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai trong Ban chi ủy, chi bộ, Ban giám hiệu, Hội đồng trường, cuộc họp toàn thể CB, GV, NV nhà trường;

- Triển khai họp Ban chấp hành Hội cha mẹ học sinh trường;

- Tổ chức hội nghị họp cha mẹ học sinh toàn trường để thỏa thuận thống nhất của phụ huynh học sinh về nội dung thu, chi;

- Niêm yết công khai kế hoạch (Kèm theo dự toán thu chi các nội dung) tại bảng tin nhà trường;

Trên đây là Kế hoạch thỏa thuận sự đóng góp phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác năm học 2022-2023 của trường mầm non Tân Hiệp./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Phú Giáo;
- HĐND –UBND xã Tân Hiệp;
- Hội trường HPHHS, BDDCMHS;
- Bộ phận KT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Phạm Thị Mỹ

**ĐẠI DIÊN BCMHS
HỘI TRƯỞNG**

Đã ký

Phan Ngọc Đan Quỳnh

